

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 587/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2024

“V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Hà Bửu Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị L - sinh năm: 1978. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trương Văn C - sinh năm: 1974. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Võ Thị L trình bày:

Bà và ông C tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1997, đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do không phù hợp tính ý, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2023, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Văn N - sinh ngày: 02/02/1998, Trương Hoàng K - sinh ngày: 16/3/2008. Hiện cháu N đã trưởng thành, cháu K đang chung sống với chị L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh C không trình bày ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với ông Trương Văn C, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, ông C đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Trương Văn C cưới nhau vào năm 1997, cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà L có yêu cầu xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Võ Thị L và ông Trương Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Theo bà L trình bày và giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà L và ông C có 02 con chung tên Trương Văn N - sinh ngày: 02/02/1998, Trương Hoàng K - sinh ngày: 16/3/2008. Hiện cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu K đang chung sống với bà L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu K, bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy yêu cầu nuôi con của bà L là phù hợp với nguyện vọng của cháu K, hiện bà L có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung. Ông C không trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà L. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu K cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà L không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ông C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002864 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Võ Thị L và ông Trương Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Hoàng K - sinh ngày: 16/3/2008 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm bà L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002864 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho bà L được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2024), ông C được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

